

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2024/HS-ST

Ngày 28/5/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Tình và ông Lê Đình Trung.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Bà Hoàng Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án A, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 128/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Minh C**; Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1975, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Số D T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; con ông Trần Minh Q và con bà Lương Thị Á (đều đã chết); bị cáo từng có vợ tên Hoàng Thị D, sinh năm 1979 (đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2005.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 22/02/2023, tại Bản án số 04/2023/HSST bị Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2024.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 14/5/2002, tại Bản án số 35/2002/HSST bị Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”.

Ngày 02/3/2006, tại Bản án số 31/2006/HSST bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 08 năm tù giam về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Ngày 28/11/2013, tại Bản án số 99/2013/HSST bị Toà án nhân dân huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Ngày 28/11/2018, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B xử phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “*Đánh bạc*”, tại Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC.

Ngày 16/4/2020, tại Quyết định số 64/2020/QĐ-TA bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 20 tháng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 30/01/2024 đến nay – *Có mặt*.

2. Họ và tên: **Trịnh Minh P**; Sinh ngày 30 tháng 5 năm 1990, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Số F T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; con ông Trịnh Á, sinh năm 1963 và con bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 26/8/2020, tại Bản án số 247/2020/HSST bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến ngày 12/10/2021, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/02/2014, tại Bản án số 29/2014/HSST bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử 02 năm 06 tháng tù giam về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B từ ngày 30/01/2024 đến nay – *Có mặt*.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1965; trú tại: Số F T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt*.

Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Tuấn H, sinh năm 1995; Trú tại: TDP E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Lê Xuân H1, sinh năm 1958; Trú tại: TDP D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Minh C và Trịnh Minh P là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, loại Heroine. Vào khoảng 13 giờ 50 ngày 30/01/2024, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio mang biển kiểm soát 47M5 -2133 chở C đi trên đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về nhà thì C nói C có 200.000 đồng, C trả 100.000 đồng cho P trước đó C mượn của P, C còn số tiền 100.000 đồng cùng góp lại tổng cộng là 200.000 đồng để mua ma túy sử dụng chung thì P đồng ý. Sau đó, C chỉ đường để P chở đến hẻm C đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để mua ma túy. Khi đến đầu hẻm C Y, P dừng xe đứng ngoài đợi, còn C cầm tiền đi bộ một mình vào trong hẻm mua 01 gói ma túy Heroine với số tiền 200.000 đồng của một người nữ giới có tên thường gọi là “N” hay “Dung”. Chương mở gói ma túy Heroine cho P xem rồi C cầm gói ma túy trên tay cùng P điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 47M5-2133 đi tìm nơi sử dụng ma túy. Khi cả hai đi đến trước số nhà C A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ 01 gói nylon chứa chất rắn màu trắng (đã được niêm phong theo quy định của pháp luật).

Tại Kết luận giám định số 259/KL- KTHS ngày 05/02/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận:

Chất cục màu trắng bên trong 01 (một) gói nylon gửi giám định là Ma túy, có khối lượng 0,1297 gam, loại Heroine (H), có tên khoa học là D1, được quy định tại Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất.

Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1043 gam Heroine đã được niêm phong.

Cáo trạng số 137/CT-VKS-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Trần Minh C, Trịnh Minh P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với diễn biến sự việc mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, đồng thời đề cập các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đề nghị:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Minh C, Trịnh Minh P phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS:

Xử phạt bị cáo Trần Minh C mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh P mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,1043 gam Heroine còn lại sau giám định trong gói niêm phong.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Minh C 01 điện thoại di động hiệu Nokia, gắn sim số 084767669047, số imei 352115459840864.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm và nói lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì và khiếu nại về hành vi của những người tiến hành tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua đó có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30/01/2024, tại khu vực trước số C đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Trần Minh Chương, Trịnh Minh P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trong lòng bàn tay của C 01 (một) gói nylon bên trong chứa chất ma túy loại Heroine có khối lượng 0,1297 gam với mục đích sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B phát hiện, bắt quả tang và tạm giữ.

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

.....
c) *Heroin, cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”.

[3] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đủ năng lực hành vi để nhận thức được ma túy là chất gây nghiện, gây tác hại nghiêm trọng cho sức khỏe con người, đẩy nhanh tốc độ lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS và kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác hơn nữa còn xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

Trong vụ án các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, có vai trò và nhân thân như nhau nên cần áp dụng mức hình phạt cho các bị cáo ngang bằng nhau là phù hợp.

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C và P đều có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nên cần chấp nhận.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1043gam và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong một phong bì có đóng dấu tròn màu đỏ Phòng K1 Công an tỉnh Đ.

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh C 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 084767669047 (tình trạng sim bị khóa), số Imei trong máy: 352115459840864; số Imei ngoài máy: Imei 1: 357712106555120, Imei 2: 357712108555128 không sử dụng vào việc phạm tội, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio mang biển kiểm soát 47M5-2133 do bà Nguyễn Thị T1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Năm 2019, bán cho bà Trần Thị Lệ T (mẹ của bị cáo P) nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sở hữu theo quy

định pháp luật. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra chưa làm việc được với bà Nguyễn Thị T1. Do vậy, cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra tách xe mô tô trên ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[5] Nội dung khác:

Đối với nguồn gốc số ma túy trong vụ án, bị cáo C khai nhận mua của một người nữ giới tên thường gọi là “N” hay “Dung” tại khu vực hẻm C đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 30/01/ 2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập làm việc, khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lưu Thị Cẩm N1; sinh năm 1984; trú tại 3 Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình khám xét không tạm giữ được vật chứng có liên quan. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành cho bị cáo C nhận dạng qua ảnh và đối chất với Lưu Thị Cẩm N1, bị cáo C xác định Lưu Thị Cẩm N1 là người bán ma túy Heroine cho bị cáo vào ngày 30/01/2024 nhưng Lưu Thị Cẩm N1 không thừa nhận bán ma túy Heroine cho C. Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lưu Thị Cẩm N1 nên tách hành vi của người nữ giới bán ma túy cho bị cáo C ra khỏi hồ sơ vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo C, P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Minh C, Trịnh Minh P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Minh C **02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt quả tang tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2024.

2.2 Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Minh P **02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt quả tang tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1043gam và toàn bộ vỏ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu được niêm phong trong

một phong bì ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định vụ: Trần Minh C - BMT”, số 259/KL-KTHS, có các chữ ký ghi tên Y Phúc Niê K, Nguyễn Bá H2 và đóng dấu tròn màu đỏ Phòng K1 Công an tỉnh Đ;

- Trả lại cho bị cáo Trần Minh C 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim số 084767669047 (tình trạng sim bị khoá), số Imei trong máy: 352115459840864; số Imei ngoài máy: Imei 1: 357712106555120, I: 357712108555128 (không kiểm tra tình trạng hoạt động và chi tiết bên trong); nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(N như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột ngày 07/5/2024).

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo Trần Minh C, Trịnh Minh P phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐT Công tp. Buôn Ma Thuột;
- CCTHADS tp. Buôn Ma Thuột;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCA Đắk Lắk;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ HỒNG THANH